

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp
Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số 3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Kinh doanh 4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 15 tháng 10 năm 2009. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên
Ông Võ Hiến	Thành viên
Ông Tê Trí Dũng	Thành viên
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
Ông Lê Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Lê Xuân Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên

Trụ sở đăng ký 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ VIỆC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

Giới thiệu

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ”), được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt vào ngày 1 tháng 8 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này. Trách nhiệm của chúng tôi là phát hành báo cáo về các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Dựa trên công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện gì để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 11-01-260

Chang Hung Chun
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 8 năm 2011

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		197.474.554.403	245.185.119.780
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	4.712.521.711	13.741.019.930
Đầu tư ngắn hạn	120	4	31.968.249.000	36.127.095.400
Đầu tư ngắn hạn	121		42.019.036.088	49.090.316.928
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(10.050.787.088)	(12.963.221.528)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.450.271.780	186.906.965.760
Phải thu thương mại	131	5	14.188.041.382	19.002.865.773
Trả trước cho người bán	132	6	122.712.816.108	145.796.801.016
Các khoản phải thu khác	135	7	11.549.414.290	22.107.298.971
Hàng tồn kho	140	8	5.631.098.823	5.060.331.163
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.712.413.089	3.349.707.527
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.000.000	138.532.726
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		512.746.089	308.071.359
Thuế phải thu ngân sách Nhà nước	154		-	59.524.442
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.180.667.000	2.843.579.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tài sản dài hạn	200		1.272.921.894.309	1.273.422.566.530
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.345.621.247	4.345.621.247
Các khoản phải thu khác	218		4.345.621.247	4.345.621.247
Tài sản cố định	220		409.769.711.418	394.325.714.869
Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.674.376.028	4.029.379.210
<i>Nguyên giá</i>	222		10.675.493.925	10.660.793.925
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.001.117.897)	(6.631.414.715)
Tài sản cố định vô hình	221	10	45.140.973.864	45.534.272.700
<i>Nguyên giá</i>	222		47.084.099.490	47.084.099.490
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.943.125.626)	(1.549.826.790)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	360.954.361.526	344.762.062.959
Bất động sản đầu tư	240	12	94.396.547.616	96.391.944.455
<i>Nguyên giá</i>	241		115.808.292.204	115.808.292.204
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(21.411.744.588)	(19.416.347.749)
Đầu tư dài hạn	250	13	749.354.201.601	763.364.701.768
Đầu tư vào công ty con	251		125.236.222.000	125.236.222.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		223.800.194.279	223.800.194.279
Đầu tư dài hạn khác	258		454.765.088.436	459.159.303.316
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(54.447.303.114)	(44.831.017.827)
Tài sản dài hạn khác	260		15.055.812.427	14.994.584.191
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.653.611.327	1.885.383.091
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	11.771.701.100	11.771.701.100
Tài sản dài hạn khác	268		1.630.500.000	1.337.500.000
TỔNG TÀI SẢN	270		1.470.396.448.712	1.518.607.686.310

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		853.432.093.796	872.956.127.008
Nợ ngắn hạn	310		378.858.823.044	389.968.441.209
Vay ngắn hạn	311	15	234.935.196.974	245.801.391.579
Phải trả thương mại	312		2.990.797.326	2.351.587.714
Người mua trả tiền trước	313		37.200.593.346	637.254.784
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	16	7.148.673.453	10.635.913.181
Phải trả người lao động	315		27.534.638.295	29.494.880.550
Chi phí phải trả	316	17	12.084.239.838	10.329.524.697
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	51.981.213.704	86.082.769.159
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	4.983.470.108	4.635.119.545
Nợ dài hạn	330		474.573.270.752	482.987.685.799
Nợ dài hạn khác	333	20	110.053.927.081	110.688.392.021
Vay dài hạn	334	21	211.521.283.890	217.741.830.000
Doanh thu chưa thực hiện	338	22	152.998.059.781	154.557.463.778
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		616.964.354.916	645.651.559.302
Vốn chủ sở hữu	410		616.964.354.916	645.651.559.302
Vốn cổ phần	411	23	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	414	23	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		12.469.151.903	14.731.614.307
Quỹ dự phòng tài chính	418		12.469.151.903	5.218.459.791
Lợi nhuận chưa phân phối	420		25.695.937.165	59.371.371.259
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.470.396.448.712	1.518.607.686.310

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Tạ Phước Đạt
Phó Tổng Giám đốc

ngày 1 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VNĐ	30/6/2010 VNĐ
Tổng doanh thu	01	24	68.590.893.669	58.563.763.129
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	(45.451.188)	(37.717.466)
Doanh thu thuần	10		68.545.442.481	58.526.045.663
Giá vốn hàng bán	11	25	(45.337.174.575)	(45.785.594.139)
Lợi nhuận gộp	20		23.208.267.906	12.740.451.524
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	33.884.785.467	15.606.013.967
Chi phí tài chính	22	27	(45.430.483.546)	(7.185.742.063)
Chi phí bán hàng	24		(1.479.860.399)	(1.135.044.099)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(12.125.888.147)	(10.270.794.607)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.943.178.719)	9.754.884.722
Kết quả các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	28	5.436.702.052	6.911.585.748
Chi phí khác	32		(30)	(765.277.742)
Lợi nhuận trước thuế	50		3.493.523.303	15.901.192.728
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	-	(503.198.877)
Lợi nhuận thuần	60		3.493.523.303	15.397.993.851
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	140	616

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Tạ Phước Đạt
Phó Tổng Giám đốc

ngày 1 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011**

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	14.731.614.307	5.218.459.791	47.831.195.917	634.801.842.318
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(467.713.002)	-	-	-	(467.713.002)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	15.397.993.851	15.397.993.851
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.604.490.192)	(5.604.490.192)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(24.995.572.000)	(24.995.572.000)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(796.783.498)	(796.783.498)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(467.729.002)	14.731.614.307	5.218.459.791	31.832.344.078	618.335.277.477
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(222.745.356)	-	-	-	(222.745.356)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	40.026.780.681	40.026.780.681
Cổ tức	-	-	-	-	-	(12.487.753.500)	(12.487.753.500)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	14.731.614.307	5.218.459.791	59.371.371.259	645.651.559.302

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	14.731.614.307	5.218.459.791	59.371.371.259	645.651.559.302
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	3.493.523.303	3.493.523.303
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	4.988.229.708	(4.988.229.708)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.542.477.453)	(5.542.477.453)
Chuyển sang quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	(2.262.462.404)	2.262.462.404	-	-
Cổ tức (thuyết minh số 31)	-	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.662.743.236)	(1.662.743.236)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	25.695.937.165	616.964.354.916

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Tạ Phước Đạt
Phó Tổng Giám đốc

ngày 1 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2011 VNĐ	30/6/2010 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.493.523.303	15.901.192.728
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.108.865.511	2.686.926.878
Các khoản dự phòng	03		6.703.850.847	(9.345.755.916)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	(3.032.295.315)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(20.483.725.400)	(5.433.876.009)
Lãi từ hoạt động đầu tư khác	05		(13.131.957.950)	(124.000.000)
Chi phí lãi vay	06		37.698.018.135	15.986.082.226
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		19.388.574.446	16.638.274.592
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		33.069.151.218	19.213.365.687
Biến động hàng tồn kho	10		(570.767.660)	(915.360.221)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(17.296.008.697)	(9.273.441.088)
			34.590.949.307	25.662.838.970
Tiền lãi vay đã trả	13		(37.818.705.188)	(14.730.401.751)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(9.237.419.136)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.856.870.126)	(1.487.862.647)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động kinh doanh	20		(10.084.626.007)	207.155.436

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
(tiếp theo)**

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	Mã	30/6/2011	30/6/2010	
	Thuyết	VNĐ	VNĐ	
	số			
	minh			
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(16.499.998.567)	(15.058.646.008)	
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	3.797.040.000	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(17.682.362.620)	(17.486.727.033)	
Tiền thu thuần từ kinh doanh chứng khoán		42.279.816.290	124.000.000	
Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	150.000.000	
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	22.508.562.600	4.353.876.009	
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động đầu tư	30	30.606.017.703	(24.120.457.032)	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Mua lại cổ phiếu quỹ	32	-	(467.713.002)	
Tiền thu từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn	33	211.167.722.984	360.251.366.820	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(228.254.463.699)	(336.408.324.291)	
Tiền trả cổ tức	36	(12.463.149.200)	(37.401.777.600)	
Tiền thuần chi cho các hoạt động tài chính	40	(29.549.889.915)	(14.026.448.073)	

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
(tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2011 VNĐ	30/6/2010 VNĐ
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.028.498.219)	(37.939.749.669)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		13.741.019.930	44.870.931.665
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3	<u>4.712.521.711</u>	<u>6.931.181.996</u>

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Tạ Phước Đạt
Phó Tổng Giám đốc

ngày 1 tháng 8 năm 2011

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là công ty cổ phần thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì ô tô, xe gắn máy và linh kiện phụ tùng các loại, với các nhãn hiệu ô tô như Toyota, Ford, GM-Daewoo, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế; cung cấp dịch vụ taxi;
- Dịch vụ bất động sản: đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như thương mại và dịch vụ, bất động sản, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tài chính, ngân hàng và bưu chính viễn thông.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty có 134 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 140 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Các báo cáo này cần được đọc với báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các báo cáo tài chính này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Đầu tư vào các công ty con, liên doanh và liên kết được phản ánh theo nguyên giá. Công ty lập các báo cáo tài chính hợp nhất trong đó bao gồm báo cáo của Công ty và của các công ty con và phát hành riêng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Công ty với những công ty là đối tượng đầu tư.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

(iii) Xác định giá trị

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn ngoại trừ đầu tư vào các công ty liên kết được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(iv) Giảm giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán có giao dịch phổ biến trên thị trường được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(v) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 6 – 42 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 5 – 6 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng chưa hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao. Khấu hao của các bất động sản khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau :

- nhà cửa 5 – 36 năm

(l) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỉ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh sự đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi kỳ từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(q) Doanh thu tài chính

(i) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(ii) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí sẽ được vốn hóa và được ghi nhận vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(u) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	1.122.095.283	1.016.767.510
Tiền gửi ngân hàng	3.590.426.428	12.724.252.420
	<hr/>	<hr/>
	4.712.521.711	13.741.019.930

Trong tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 có số ngoại tệ tương đương 15 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 14 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

4. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Đầu tư ngắn hạn vào:		
▪ Cổ phiếu niêm yết	18.719.036.088	20.886.466.928
▪ Cổ phiếu OTC	23.300.000.000	28.203.850.000
	<hr/>	<hr/>
	42.019.036.088	49.090.316.928
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(10.050.787.088)	(12.963.221.528)
	<hr/>	<hr/>
	31.968.249.000	36.127.095.400
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu kỳ	12.963.221.528	17.289.000.000
Hoàn nhập	(2.912.434.440)	(2.107.336.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	10.050.787.088	15.181.664.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 các khoản đầu tư ngắn hạn với nguyên giá 23.300 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 28.204 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

5. Phải thu thương mại

Các khoản phải thu thương mại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm 8.398 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11.627 triệu VNĐ) phải thu từ các bên liên quan.

6. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 116.707 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 115.327 triệu VNĐ).

7. Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm 8.606 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 17.668 triệu VNĐ) phải thu từ các bên liên quan.

8. Hàng tồn kho

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Vật tư	50.297.095	22.528.761
Hàng hóa	5.580.801.728	5.037.802.402
	<hr/>	<hr/>
	5.631.098.823	5.060.331.163
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	5.030.443.103	2.691.197.028	2.939.153.794	10.660.793.925
Tăng trong kỳ	-	14.700.000	-	14.700.000
Số dư cuối kỳ	5.030.443.103	2.705.897.028	2.939.153.794	10.675.493.925
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	2.867.377.673	1.688.883.551	2.075.153.491	6.631.414.715
Khấu hao trong kỳ	106.929.138	140.575.942	122.198.102	369.703.182
Số dư cuối kỳ	2.974.306.811	1.829.459.493	2.197.351.593	7.001.117.897
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	2.163.065.430	1.002.313.477	864.000.303	4.029.379.210
Số dư cuối kỳ	2.056.136.292	876.437.535	741.802.201	3.674.376.028

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 3.081 triệu VNĐ đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.193 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ 2.056 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.952 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VNĐ	Quyền sử dụng đất có thời hạn VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	14.634.054.300	32.014.175.190	435.870.000	47.084.099.490
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	1.549.826.790	-	1.549.826.790
Khấu hao trong kỳ	-	320.653.836	72.645.000	393.298.836
Số dư cuối kỳ	-	1.870.480.626	72.645.000	1.943.125.626
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	14.634.054.300	30.464.348.400	435.870.000	45.534.272.700
Số dư cuối kỳ	14.634.054.300	30.143.694.564	363.225.000	45.140.973.864

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 44.778 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 45.098 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011 VNĐ	30/6/2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ	344.762.062.959	275.151.869.155
Tăng trong kỳ	16.192.298.567	15.433.329.538
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(2.548.841.876)
Thanh lý	-	(764.744.685)
Số dư cuối kỳ	360.954.361.526	287.271.612.132

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ 309.072 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 293.039 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Nhà cửa VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	57.306.554.900	58.501.737.304	115.808.292.204
<hr/>			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	19.416.347.749	19.416.347.749
Khấu hao trong kỳ	-	1.995.396.839	1.995.396.839
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	-	21.411.744.588	21.411.744.588
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	57.306.554.900	39.085.389.555	96.391.944.455
Số dư cuối kỳ	57.306.554.900	37.089.992.716	94.396.547.616
<hr/>			

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 6.470 triệu VNĐ đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 4.893 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ 76.842 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 78.115 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

13. Đầu tư dài hạn

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Đầu tư vốn dài hạn vào:		
▪ Các công ty con	125.236.222.000	125.236.222.000
▪ Các công ty liên kết	223.800.194.279	223.800.194.279
Các khoản đầu tư dài hạn khác	454.765.088.436	459.159.303.316
	<hr/>	<hr/>
	803.801.504.715	808.195.719.595
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(54.447.303.114)	(44.831.017.827)
	<hr/>	<hr/>
	749.354.201.601	763.364.701.768
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong đầu tư dài hạn khác có các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các đơn vị khác (niêm yết và không niêm yết).

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu kỳ	44.831.017.827	90.100.525.226
Tăng dự phòng trong kỳ	9.616.285.287	-
Hoàn nhập	-	(7.238.419.916)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	54.447.303.114	82.862.105.310
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 các khoản đầu tư vào công ty liên kết với nguyên giá 16.799 triệu VNĐ và các khoản đầu tư dài hạn khác với nguyên giá là 140.832 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: lần lượt là 20.571 triệu VNĐ và 138.724 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	Số tiền	
				30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Các công ty con					
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và 26 tháng 4 năm 2005.	52,05%	8.328.000.000	8.328.000.000
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TYP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy Ban Nhân Dân Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%	9.248.504.000	9.248.504.000
Công ty TNHH Đông Đô Thành (GM)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003.	55%	4.400.000.000	4.400.000.000
Công ty Cổ phần Ô Tô Thành phố (HYUNDAI)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 0309553786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2009.	51%	5.100.000.000	5.100.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	Số tiền	
				30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006.	63,64%	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008.	55%	8.250.050.000	8.250.050.000
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp, đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy phép Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và được điều chỉnh vào ngày 12 tháng 9 năm 2007.	70%	56.000.000.000	56.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Kinh doanh và bảo trì xe hơi, xe gắn máy, phụ tùng. Kinh doanh thiết bị điện, vật liệu xây dựng; đại lý ký gửi, cung cấp dịch vụ cho thuê xe hơi, dịch vụ vận chuyển.	Giấy phép Kinh doanh số 0401337755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010.	51%	5.100.000.000	5.100.000.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007.	51%	25.309.668.000	25.309.668.000
				125.236.222.000	125.236.222.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	Số tiền	
				30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Các công ty liên kết					
Công ty TNHH Siêu xe	Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008.	37,5%	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico (SYM)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu SYM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37,33%	1.120.000.000	1.120.000.000
Công ty Cổ Phần Dana (DANA FORD)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007.	40,27%	3.221.600.000	3.221.600.000
Công ty Liên doanh Comfort Delgro Savico Taxi	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	Giấy phép Đầu tư số 824/GP-HCM do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40%	31.750.000.000	31.750.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC)	Xây dựng dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.	49%	1.526.885.279	1.526.885.279

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	Số tiền	
				30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003 và điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005 và ngày 14 tháng 11 năm 2007.	35,16%	16.798.709.000	16.798.709.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Kinh doanh, tư vấn và đấu thầu bất động sản, quảng cáo.	Giấy phép Kinh doanh số 0309535441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 1 năm 2010.	49%	2.940.000.000	2.940.000.000
Công ty TNHH Savico-Vinaland	Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp văn phòng cho thuê và các dịch vụ liên quan.	Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 10 năm 2008.	49,50%	164.043.000.000	164.043.000.000
				<hr/>	
				223.800.194.279	223.800.194.279
				<hr/> <hr/>	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)****14. Tài sản thuế hoãn lại**

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Lỗ tính thuế mang sang	3.669.871.746	3.669.871.746
Chi phí phải trả	566.532.632	566.532.632
Doanh thu chưa thực hiện	7.535.296.722	7.535.296.722
	<hr/>	<hr/>
	11.771.701.100	11.771.701.100
	<hr/>	<hr/>

15. Vay ngắn hạn

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn có đảm bảo	212.425.580.974	147.690.279.579
Vay ngắn hạn không có đảm bảo	1.800.000.000	1.800.000.000
	<hr/>	<hr/>
	214.225.580.974	149.490.279.579
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 21)	20.709.616.000	96.311.112.000
	<hr/>	<hr/>
	234.935.196.974	245.801.391.579
	<hr/>	<hr/>

Vay ngắn hạn có đảm bảo được đảm bảo bởi đầu tư ngắn hạn, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác với giá trị ghi sổ lần lượt là 23.300 triệu VNĐ, 181 triệu VNĐ, 14.634 triệu VNĐ, 16.799 triệu VNĐ và 52.388 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: được đảm bảo bằng tài sản cố định vô hình và đầu tư dài hạn với giá trị ghi sổ lần lượt là 14.634 triệu VNĐ và 60.749 triệu VNĐ).

Các khoản vay ngắn hạn chịu lãi suất từ 3,6% đến 20% (2010: từ 3,6% đến 19,5%) một năm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

16. Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	1.241.455.165	4.884.680.182
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.058.816.548	5.058.816.548
Thuế thu nhập cá nhân	848.401.740	692.416.451
	<hr/>	<hr/>
	7.148.673.453	10.635.913.181
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

17. Chi phí phải trả

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	3.722.503.747	3.843.190.800
Chi phí thuê	2.065.838.381	1.862.681.986
Phí kiểm toán	164.960.000	316.875.000
Các chi phí khác	6.130.937.710	4.306.776.911
	<hr/>	<hr/>
	12.084.239.838	10.329.524.697
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Cổ tức phải trả	25.424.576.500	12.912.218.700
Phải trả cho các bên liên quan (a)	1.000.000.000	30.000.000.000
Hỗ trợ vốn từ bên thứ ba (b)	10.000.000.000	25.000.000.000
Trả thay các bên liên quan	11.979.434.115	15.000.000.000
Khác	3.577.203.089	3.170.550.459
	<hr/>	<hr/>
	51.981.213.704	86.082.769.159
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

- a. Phải trả cho các công ty liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 không chịu lãi (2010: 14% một năm).
- b. Hỗ trợ vốn từ bên thứ ba chịu lãi suất 17,5% một năm (2010: từ 10,5% đến 14% một năm).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu kỳ	4.635.119.545	4.868.845.230
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	5.542.477.453	5.604.490.192
Sử dụng quỹ trong kỳ	(5.194.126.890)	(4.325.463.216)
	<hr/>	
Số dư cuối kỳ	4.983.470.108	6.147.872.206
	<hr/> <hr/>	

20. Nợ dài hạn khác

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Ký quỹ dài hạn nhận được	11.552.177.730	12.250.324.630
Phải trả dài hạn khác	98.501.749.351	98.438.067.391
	<hr/>	
	110.053.927.081	110.688.392.021
	<hr/> <hr/>	

Phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền nhận góp vốn của các đối tác cho việc tham gia vào các dự án bất động sản của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

21. Vay dài hạn

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Vay dài hạn		
• Vay dài hạn có đảm bảo	100.230.899.890	179.617.942.000
• Vay dài hạn không có đảm bảo	32.000.000.000	34.435.000.000
	<hr/>	<hr/>
	132.230.899.890	214.052.942.000
Trái phiếu dài hạn phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	232.230.899.890	314.052.942.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh số 15)	(20.709.616.000)	(96.311.112.000)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	211.521.283.890	217.741.830.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Vay dài hạn có đảm bảo được đảm bảo bằng các tài sản có giá trị ghi sổ là 321.873 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 335.882 triệu VNĐ).

Các khoản vay dài hạn này chịu lãi suất dao động từ 16,8% đến 21,0% (2010: từ 10,5% đến 20,5%) một năm.

Trái phiếu dài hạn được phát hành vào tháng 7 năm 2010 theo mệnh giá. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào tháng 7 năm 2015 và được hoàn trả theo mệnh giá. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản với giá trị ghi sổ 184,504 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 179.739 triệu VNĐ), và chịu lãi suất năm là 19% (2010: 15.5% một năm).

Thời hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	20.709.616.000	96.311.112.000
Từ hai đến năm năm	81.214.697.890	102.988.000.000
Trên năm năm	30.306.586.000	14.753.830.000
	<hr/>	<hr/>
	132.230.899.890	214.052.942.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

22. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Doanh thu cho thuê đất từ một công ty con	57.543.333.322	58.153.333.324
Doanh thu từ đánh giá quyền khai thác dự án từ công ty liên kết	93.152.767.500	94.275.090.000
Doanh thu khác	2.301.958.959	2.129.040.454
	<hr/>	<hr/>
	152.998.059.781	154.557.463.778

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần đã được duyệt	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Biến động về vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011		30/6/2010	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
	cổ phiếu		cổ phiếu	
Số dư đầu kỳ	24.975.507	249.265.255.642	24.995.572	249.955.714.000
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(13.614)	(467.713.002)
Số dư cuối kỳ	24.975.507	249.265.255.642	24.981.958	249.488.000.998

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	37.612.074.455	37.850.346.174
▪ Dịch vụ	4.947.029.610	6.073.732.432
▪ Dịch vụ bất động sản đầu tư	26.031.789.604	14.639.684.523
	68.590.893.669	58.563.763.129
Các khoản giảm trừ doanh thu	(45.451.188)	(37.717.466)
Doanh thu thuần	68.545.442.481	58.526.045.663

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

25. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VNĐ	VNĐ
Hàng hóa đã bán	34.481.609.748	34.817.324.069
Dịch vụ đã cung cấp	6.661.147.588	9.052.522.066
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	4.194.417.239	1.915.748.004
	<hr/>	<hr/>
	45.337.174.575	45.785.594.139
	<hr/>	<hr/>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	432.367.753	760.050.251
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	13.399.292.250	521.121.000
Cổ tức	20.051.357.647	4.673.831.830
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.767.817	9.651.010.886
	<hr/>	<hr/>
	33.884.785.467	15.606.013.967
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	37.698.018.135	15.986.082.226
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	267.334.300	397.121.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	6.703.850.847	(9.345.755.916)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	226.955.654	57.329.601
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	534.324.610	90.965.152
	<hr/>	<hr/>
	45.430.483.546	7.185.742.063
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

28. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	-	3.797.040.000
Thu nhập từ dự án Savico-Vinaland	1.122.322.500	1.122.322.500
Thu nhập từ một bên liên quan cho việc khai thác quyền sử dụng đất tại Thành phố Đà Nẵng	3.454.545.454	-
Thu nhập khác	859.834.098	1.992.223.248
	<hr/>	<hr/>
	5.436.702.052	6.911.585.748
	<hr/>	<hr/>

Thu nhập từ dự án Savico-Vinaland liên quan đến thu nhập do đánh giá quyền khai thác dự án đem góp vốn vào Công ty TNHH Savico-Vinaland, một công ty liên kết.

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Lỗ tính thuế mang sang được sử dụng	-	503.198.877
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	-	503.198.877
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	3.493.523.303	15.901.192.728
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	873.380.826	3.975.298.182
Thu nhập không chịu thuế	(5.012.839.412)	(3.472.099.305)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	4.139.458.586	-
	-	503.198.877

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy phép kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty được giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm, từ 2007 đến 2011.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận thuần trong kỳ	3.493.523.303	15.397.993.851

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	24.995.573	24.995.572
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 6 năm 2010	-	(882)
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối kỳ	<u>24.995.573</u>	<u>24.994.690</u>

31. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên của Công ty ngày 16 tháng 4 năm 2011 đã quyết định chia cổ tức là 24.976 triệu VNĐ (đây là lần chia cổ tức thứ hai cho năm 2010 và bằng 10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	1.263.000.000	1.099.447.412
Thành viên Ban Giám đốc	348.000.000	544.979.790
Thành viên Ban Kiểm soát	145.000.000	104.805.311
	1.756.000.000	1.749.232.513

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2011	30/6/2010
			VND	VND
Công ty Cổ phần Ô Tô Thành phố	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	971.896.335	761.800.000
		Phí tư vấn thu từ công ty con	-	124.882.234
		Lãi cho vay	76.066.667	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Cổ tức nhận từ công ty con	412.502.500	200.432.430
		Tiền thuê thu từ công ty con	244.320.000	189.398.000
		Mua hàng hóa từ công ty con	3.439.549.545	644.897.882
		Hoa hồng nhận từ công ty con	969.841.335	455.812.500
		Cho công ty con vay	-	2.000.000.000
Chi phí lãi vay	11.819.444	-		
Công ty TNHH Sài Gòn Ô Tô	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	1.389.179.088	1.287.037.580

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2011 VNĐ	30/6/2010 VNĐ
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Công ty con	Góp vốn Mua hàng hóa từ công ty con	49.401.422 -	700.000.000 1.590.835.454
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Công ty con	Góp vốn	-	2.950.000.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	610.000.002	-
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Chi phí lãi vay	361.666.667	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Công ty con	Góp vốn	-	2.940.000.000
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Công ty con	Cổ tức nhận từ công ty con	15.216.133.547	-
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết Vay từ công ty liên kết	2.057.085.000 20.000.000.000	808.974.928 9.000.000.000
Công ty Liên doanh Comfort Delgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Tiền thuê thu từ công ty liên kết Tiền điện thu từ công ty liên kết	1.137.157.500 181.913.405	1.034.643.600 -
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Hoa hồng nhận từ công ty liên kết Vay từ công ty liên kết	678.298.606 -	625.372.000 900.000.000
Công ty TNHH Savico-Vinaland	Công ty liên kết	Phí tư vấn thu từ công ty liên kết	-	805.958.704
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết	Thu nhập từ công ty liên kết liên quan đến việc khai thác quyền sử dụng đất tại Thành phố Đà Nẵng	3.454.545.454	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

33. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	6.021.175.032	6.065.233.038
Từ hai đến năm năm	18.519.700.128	20.814.700.128
Trên năm năm	10.084.761.150	10.800.348.666
	<hr/>	<hr/>
	34.625.636.310	37.680.281.832
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2011	30/6/2010
	VNĐ	VNĐ
Chi phí mua hàng hóa	34.481.609.748	34.817.324.069
Chi phí nhân công và nhân viên	6.646.619.038	5.214.295.215
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.108.865.511	2.686.926.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.678.661.834	11.995.935.739
Các chi phí khác	4.027.166.990	2.476.950.944
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Tạ Phước Đạt
Phó Tổng Giám đốc

ngày 1 tháng 8 năm 2011